

Số: /BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/4/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP

Theo đề nghị của Sở Tư pháp tại Công văn số 1110/STP-XDKT&TDTHPL ngày 15/8/2023 về báo cáo tình hình thực hiện Nghị định số 34/2016/NĐ-CP và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP, Ban Dân tộc báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả tổ chức triển khai thực hiện 02 Nghị định

Ban Dân tộc tỉnh tổ chức triển khai, phổ biến nội dung của các Nghị định thông qua lồng ghép tại các cuộc họp Chi bộ, cơ quan, công đoàn.

2. Kết quả thực hiện cụ thể 02 Nghị định

2.1. Kết quả lập đề nghị xây dựng VBQPPL (bao gồm lập đề nghị theo quy trình đơn giản và lập đề nghị theo quy định chính sách), trong đó nêu số lượng và đánh giá chất lượng các đề nghị xây dựng văn bản:

Ban Dân tộc đã lập 06 Đề nghị xây dựng VBQPPL bao gồm 01 quy trình đơn giản, còn lại 05 theo quy định chính sách.

2.2. Kết quả soạn thảo văn bản trình cấp có thẩm quyền ban hành và kết quả ban hành văn bản theo thẩm quyền (nêu số lượng văn bản và chất lượng văn bản đã soạn thảo và ban hành):

Đã chủ trì soạn thảo 06 VBQPPL trình cấp có thẩm quyền ban hành và cấp có thẩm quyền đã ban hành 06 VBQPPL gồm: 04 Nghị quyết của HĐND tỉnh và 02 Quyết định của UBND tỉnh đạt chất lượng và mang tính khả thi cao.

II. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Tồn tại, hạn chế trong lập đề nghị xây dựng văn bản

1.1. Trong việc lập hồ sơ đề nghị, đặc biệt là trong việc đánh giá tác động của chính sách (như thời hạn hoàn thành và chất lượng của đề nghị xây dựng văn bản và các tài liệu kèm theo): Không.

1.2. Trong việc lấy ý kiến về đề nghị xây dựng văn bản: Không.

1.3. Trong việc thẩm định đề nghị xây dựng văn bản: Không.

1.4. Trong việc chỉnh lý, trình đề nghị xây dựng văn bản: Không.

1.5. Trong việc xem xét, thông qua đề nghị xây dựng văn bản: Không.

2. Tồn tại, hạn chế trong soạn thảo, ban hành văn bản

2.1. Trong việc xây dựng dự thảo văn bản và các tài liệu kèm theo (báo cáo đánh giá tác động của chính sách đối với các văn bản mà Luật yêu cầu phải đánh giá tác động của chính sách trong giai đoạn soạn thảo; bản rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; bản đánh giá tác động của thủ tục hành chính, báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới): Không.

2.2. Trong việc lấy ý kiến về dự thảo văn bản (đối tượng, hồ sơ, hình thức, thời hạn lấy ý kiến, thời hạn trả lời, việc giải trình, tiếp thu và phản hồi ý kiến ...): Ý kiến góp ý của các sở, ngành chất lượng không cao vì không đầu tư nhiều thời gian vào dự thảo VBQPPL.

2.3. Trong việc thẩm định dự thảo văn bản (Thời hạn và chất lượng thẩm định dự thảo văn bản của Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp): Không.

2.4. Trong việc trình dự thảo đến các cấp có thẩm quyền xem xét, thông qua hoặc ký ban hành (hồ sơ trình, thời hạn trình hồ sơ, cách thức tổ chức xem xét, thông qua, ký ban hành văn bản): Không.

III. NGUYÊN NHÂN CỦA TỒN TẠI, HẠN CHẾ

1. Nguyên nhân chủ quan

Không.

2. Nguyên nhân khách quan

Không.

3. Nguyên nhân từ quy định của 2 Nghị định

(Nêu cụ thể các quy định không rõ ràng, cụ thể; bất hợp lý; không phù hợp với thực tiễn; không phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (nêu điều, khoản điểm cụ thể).

3.1. Các quy định về giai đoạn lập đề nghị xây dựng văn bản

Không.

3.2. Các quy định về giai đoạn soạn thảo văn bản

Không.

3.3. Quy định về trình tự, thủ tục rút gọn trong xây dựng, ban hành văn bản

Không.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đề xuất với các cơ quan

- Quốc hội: Không.
- Chính phủ: Không.
- Bộ, ngành: Không.
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân: Không.

2. Đề xuất sửa đổi, bổ sung (nếu có) đối với các quy định của 02 Nghị định:
Không.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Lãnh đạo ban;
- Các phòng thuộc Ban;
- Lưu VT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Đỗ Minh Hải